

Bản án số: 288/2025/HC-PT

Ngày 20-3-2025

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính và
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Ông Trần Ngọc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Đặng Quốc Hoàng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
1110/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định
hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2024/HC-ST ngày 27 tháng 8 năm
2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 01
năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Đinh Văn M, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số E, đường P, Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình
Dương. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trương Nguyễn Lữ H,
sinh năm 1977; địa chỉ: Số C, đường H, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí
Minh. Là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền
ngày 23 tháng 10 năm 2019). Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ trụ sở: Số A, đường Q, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Sĩ N - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T. Là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 2984/QĐ-UBND, ngày 17 tháng 8 năm 2023). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số B, đường N, khu phố B, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2 Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Mai Công Đ, chức vụ: Trưởng phòng Kỹ thuật và Thông tin đất đai; ông Phạm Mộng Đ1, chức vụ: Phó ban Bồi thường và Giải phóng mặt bằng thành phố T. Là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 7 năm 2024). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Đinh Văn M là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 30/6/2023 và quá trình giải quyết vụ án, theo Bản án sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Ông Đinh Văn M là hộ dân có đất bị ảnh hưởng diện tích 65,1m² nằm trong diện tích đất 1.684,8m² thuộc thửa đất số 5344, tờ bản đồ số 16-2, bộ địa chính phường T trong Dự án mở rộng đường P Nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1980 thừa hưởng từ gia tộc và được Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00624 ngày 05/11/2010.

Qua hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 6283, quyền số 08/TP/CC-SCC/HĐCN ngày 30/8/2014, ông M với ông T trực tiếp đến Văn phòng C thực hiện việc chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất nêu trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T, cụ thể: tại Điều 1 Hợp đồng ngày 30/8/2014 có nội dung ông T đồng ý chuyển nhượng cho ông M toàn bộ diện tích đất 1.684,8m², trong đó bao gồm 65,1m² đất bị ảnh hưởng bởi dự án mở rộng

đường P Sau đó vì bận việc, ông M nhờ dịch vụ thực hiện thủ tục đăng bộ sang tên thì Văn phòng C điều chỉnh Hợp đồng ngày 30/8/2014, giảm diện tích xuống còn 1.611m² nhưng không có mặt ông T với ông M. Hệ quả là Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CHO2852 ngày 19/01/2015 cho ông M với diện tích 1.611,4m², tất yếu diện tích đất 65,1m² bị ảnh hưởng bởi dự án mở rộng đường P nằm ngoài giấy đất. Sau khi cung cấp đơn xin xác nhận nguồn gốc đất ngày 31/10/2019 do Ủy ban nhân dân phường T Hiệp xác nhận, đại diện Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T yêu cầu ông M cung cấp giấy thỏa thuận giữa chủ sử dụng đất trước đây với gia đình ông M theo hướng dẫn của Hội đồng bồi thường. Ông M nhận được Văn bản số 309/TTPTQĐ ngày 07/9/2020 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T về việc không chấp nhận chi trả tiền bồi thường cho ông M và theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố T tại Văn bản số 2293/UBND-NC ngày 06/11/2020, để đảm bảo việc chi trả tiền bồi thường đúng quy định thì đề nghị ông M liên hệ Văn phòng Công chứng để xác định hợp đồng theo hướng dẫn của Trung tâm Phát triển quỹ đất Thủ Dầu M1. Qua Văn bản số 96/VP- VPCC ngày 19/11/2020 của Văn phòng C đã làm rõ thời điểm ký kết hợp đồng thì các bên tham gia đã thể hiện ý chí và nguyện vọng là chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất 1.684,8m². Sau đó, ông M nhận được Văn bản số 01/TTPTQĐ ngày 04/01/2021 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T về việc không xem xét Văn bản số 2293/UBND-NC ngày 06/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T và Văn bản số 96/VP-VPCC ngày 19/11/2020 của Văn phòng C và trả lời ông M chưa đủ điều kiện nhận tiền bồi thường.

Qua Công văn số 359/UBND-CP ngày 08/02/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố T chuyển đơn khiếu nại Văn bản số 01/TTPTQĐ ngày 04/01/2021 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đến Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T giải quyết. Ông M nhận được Văn bản số 39/TTPTQĐ ngày 26/01/2022 của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T viện dẫn lý do ông M chưa cung cấp đơn xác nhận nguồn gốc đất và cam kết thỏa thuận với chủ sử dụng đất trước đây theo Biên bản làm việc ngày 22/12/2020 nên cho rằng ông M chưa đủ điều kiện bồi thường. Tuy rằng, ông M đã giao Giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 31/10/2019 do Ủy ban nhân dân phường T xác nhận diện tích đất 65,1m² bị ảnh hưởng bởi dự án có tình trạng không tranh chấp, sử dụng ổn định từ năm 2014, nhưng Văn bản số 39/TTPTQĐ ngày 26/01/2022 của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T thể hiện ông M chưa cung cấp là sai sự thật. Thêm nữa, nhiều lần hướng dẫn ông M khởi kiện ở Tòa án, nhưng

Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T lại ban hành Thông báo số 101/TB-TTPTQĐ ngày 24/01/2022 đề nghị ông M bàn giao mặt bằng để thi công với lý do ông M đã nhận tiền bồi thường là không phù hợp, cụ thể: tại Biên bản làm việc ngày 26/01/2022, người đại diện của ông M đã trình bày rõ ông M nhận khoản tiền bồi thường khoảng 7 triệu đồng là bồi thường cây trồng và tài sản trên đất, phần tiền bồi thường về đất Trung tâm Phát triển quỹ đất không cho ông M nhận và hướng dẫn ông M khởi kiện thì phải giữ nguyên hiện trạng. Ông M tiếp tục khiếu nại thì Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố T vẫn chuyển đơn cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T giải quyết theo Công văn số 406/BTCD-XLĐ ngày 31/5/2022. Tại Công văn số 374/TTPTQĐ ngày 13/7/2022 của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T viện dẫn Quyết định số 3927/QĐ-UBND ngày 27/6/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố T đã thu hồi diện tích đất 65,1m² mà thời điểm này đất thuộc quyền quản lý của chủ cũ là ông T. Đến năm 2019, Ủy ban nhân dân thành phố T mới lập hồ sơ bồi thường cho ông M qua Quyết định số 4996/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 và cho rằng ông M chưa cung cấp đủ giấy tờ theo kết luận tại Biên bản số 54/BB-HĐNTTĐC ngày 13/8/2019. Việc giải quyết khiếu nại của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tại Văn bản số 374/TTPTQĐ ngày 13/7/2022 là chưa đúng quy trình và hình thức giải quyết đơn thư khiếu nại cũng như hướng dẫn của Hội đồng bồi thường trong việc xem xét xác định quyền lợi giữa chủ đất cũ và chủ đất mới trong thỏa thuận chuyển nhượng trước đây.

Sau khi nhận được đơn khiếu nại ngày 31/7/2022 của ông M, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T có Công văn số 3092/UBND-VP ngày 18/11/2022 chỉ đạo Phòng T1 và các đơn vị có liên quan tham mưu giải quyết chậm nhất đến ngày 28/11/2022 đối với hành vi từ chối chi trả tiền bồi thường của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T tại Văn bản số 374/TTPTQĐ ngày 13/7/2022. Sau nhiều lần ông M khiếu nại hành vi không chi trả tiền bồi thường của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T có Văn bản số 1247/UBND-VP ngày 08/5/2023 nhận định việc chuyển nhượng đất giữa ông M với ông T trước đây là hết thửa đất, nhưng chỉ có diện tích 1.611,4m² và trong diện tích đất chuyển nhượng thì phần diện tích 65,1m² (nằm ngoài giấy chứng nhận đã cấp cho ông M) không xác định được có thỏa thuận chuyển nhượng hay không. Việc có đến 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 6283, quyền số 08/TP/CC-SCC/HĐCN ngày 30/8/2014 cùng tồn tại đã được Văn phòng C trả lời qua Văn bản số 96/VP-VPCC ngày 19/11/2020 và Văn bản số 15/VP-VPCC ngày 26/4/2022. Theo hướng dẫn trước đây của Ủy ban

nhân dân thành phố T tại Văn bản số 2293/UBND-NC ngày 06/11/2020, có đủ cơ sở khẳng định thỏa thuận giữa chủ đất cũ và chủ đất mới là chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất 1.684,8m², trong đó bao gồm 65,1m² đất bị ảnh hưởng bởi dự án mở rộng đường P Văn bản số 1247/UBND-VP ngày 08/5/2023 nhận định việc chuyển nhượng giữa ông M với ông T trước đây là hết thửa đất diện tích 1.684,8m² (theo hợp đồng chuyển nhượng ban đầu có mặt ông M và ông T tại Văn phòng Công chứng), nhưng cho rằng chỉ có diện tích 1.611,4m² (theo hợp đồng chuyển nhượng sau đó điều chỉnh giảm diện tích nhưng không có mặt ông M và ông T tại Văn phòng C) là gương ép, mâu thuẫn với sự thật khách quan.

Ông M là người nhận chuyển nhượng đất hợp pháp, được Ủy ban nhân dân thành phố T lập hồ sơ áp giá bồi thường vào năm 2019 và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chứng minh ông M là chủ sở hữu diện tích đất 65,1m² bị ảnh hưởng bởi dự án qua sự có mặt xác nhận của chủ đất cũ tại cơ quan Công chứng. Cụ thể khi có mặt ông M và ông T thì thỏa thuận chuyển nhượng trong hợp đồng là hết đất 1.684,8m², bao gồm 65,1m² đất bị ảnh hưởng bởi dự án mở rộng đường P Hợp đồng chuyển nhượng sau khi điều chỉnh giảm diện tích còn 1.611,4m² là không có mặt các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng. Để công trình sớm hoàn thành, nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của gia đình ông M, ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc không chi trả tiền bồi thường tại Văn bản số 1247/UBND-VP ngày 08/5/2023 là trái pháp luật; hủy Văn bản số 1247/UBND-VP ngày 08/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và buộc Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện áp giá bồi thường giá trị đất cho ông Đinh Văn M theo quy định của chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại dự án mở rộng đường P

Tại Văn bản số 3084/UBND-VP ngày 31/8/2023, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:

1. Việc ban hành Công văn số 1247/UBND-VP ngày 08/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc giải quyết đơn của ông Đinh Văn M (phường T): thửa đất số 5344, tờ bản đồ số 16-2 phường T Hiệp hiện ông Đinh Văn M là chủ sử dụng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Tấn T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00624 ngày 19/01/2015 với diện tích 1.684,8m². Ngày 27/6/2011, Ủy ban nhân dân thị xã T (cũ) ban hành Quyết định số 3927/QĐ-UBND về việc thu hồi và chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Tấn T với diện tích thu hồi là 71,6m² (trong đó có 58,6m² đất hành lang bảo vệ an toàn đường P) để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường P nhưng chưa chi trả

bồi thường, nội dung chính lý thể hiện ở trang 03 giấy chứng nhận, sau khi thu hồi diện tích đất còn lại của ông T là 1.671,8m². Năm 2014, ông T chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Đinh Văn M theo hiện trạng thửa đất và được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ2) xác định diện tích khu đất là 1.611,4m² (giảm 60,4m²). Sau đó, ông M được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02852 ngày 19/01/2015 đối với thửa đất số 5344, tờ bản đồ số 16-2, phường T. Mặt khác, theo nội dung công văn của Văn phòng C xác định việc chuyển nhượng giữa ông M với ông T là chuyển nhượng hết thửa đất, không xác định trong diện tích đất chuyển nhượng có phần diện tích 65,1m² nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông M đang yêu cầu bồi thường, và theo hợp đồng cũng thể hiện rõ diện tích chuyển nhượng giữa 02 bên là 1.611,4m² theo diện tích đo đạc hiện trạng của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ2. Như vậy, có cơ sở cho rằng phần diện tích 65,1m² ông M yêu cầu bồi thường không nằm trong tổng diện tích đất mà ông T đã chuyển nhượng cho ông M vào năm 2014. Đồng thời, ông T cũng có đề nghị không chi tiền bồi thường cho ông M theo Biên bản làm việc ngày 21/02/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T1.

Đồng thời, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư công trình có kết luận tại Biên bản số 54/BB-HĐBTĐC ngày 13/8/2019 với nội dung: “Đối với các trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố đã có quyết định thu hồi đất trước đây, nhưng chưa được bồi thường và chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác thì được xem xét bồi thường trên cơ sở thỏa thuận của chủ sử dụng đất trước đây và chủ sử dụng đất hiện nay, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường nơi có đất”. Do vậy, việc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T có Công văn số 01/TTPTQĐ ngày 04/01/2021, Công văn số 104/TTPTQĐ ngày 16/3/2020, Công văn số 309/TTPTQĐ ngày 07/9/2020 và Công văn số 374/TTPTQĐ ngày 13/7/2022 hướng dẫn và trả lời cho ông M là đúng quy định. Từ các cơ sở trên, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Công văn số 1247/UBND-VP ngày 08/5/2023 về việc giải quyết đơn của ông Đinh Văn M (phường T H) là phù hợp.

2. Việc bồi thường giá trị phần đất diện tích 65,1m² cho ông Đinh Văn M: Phần diện tích đất 65,1m² ông M yêu cầu bồi thường không nằm trong tổng diện tích đất mà ông T đã chuyển nhượng cho ông M vào năm 2014. Ông M yêu cầu bồi thường và chi tiền bồi thường cho ông M đối với diện tích 65,1m² nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M, nhưng ông M chưa được cấp, chưa thỏa thuận của chủ sử dụng đất trước đây là ông T (có xác nhận của Ủy ban

nhân dân phường nơi có đất) là chưa phù hợp theo chỉ đạo của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố T tại Biên bản số 54/BB- HĐBTTĐC ngày 13/8/2019. Ngày 27/7/2020, ông T có đơn kiến nghị bồi thường phần diện tích đất trên cho ông T và đề nghị không chi tiền bồi thường cho ông M. Yêu cầu trên của ông M đã được Ủy ban nhân dân thành phố T trả lời tại Công văn số 2293/UBND-NC ngày 06/11/2020, Công văn số 1247/UBND- VP ngày 08/5/2023, Công văn số 2465/UBND-VP ngày 19/7/2023; được Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T hướng dẫn thực hiện tại Công văn số 104/TTPTQĐ ngày 16/3/2020, Công văn số 309/TTPTQĐ ngày 07/9/2020, Công văn số 01/TTPTQĐ ngày 04/01/2021, Công văn số 39/TTPTQĐ ngày 26/01/2022 và Công văn số 374/TTPTQĐ ngày 13/7/2022. Tuy nhiên, đến nay ông M vẫn chưa cung cấp được hồ sơ, thỏa thuận cụ thể theo hướng dẫn tại các văn bản nêu trên. Do đó, việc bồi thường giá trị phần đất diện tích 65,1m² cho ông M là chưa đủ cơ sở xem xét giải quyết. Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét trả lại đơn khởi kiện hoặc xử bác đơn khởi kiện của ông M, vì lý do không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Tại Văn bản số 4751/UBND-VP ngày 13/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:

Theo hồ sơ lưu trữ: căn cứ Quyết định số 2310/QĐ-UBND ngày 04/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường P (từ ngã tư V đến chợ B bờ bao Sông S), thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương. Ngày 27/6/2011, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 3927/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Tấn T tại ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Ngày 25/12/2015, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T1 có Báo cáo số 375/BC- TNMT về việc xin chủ trương giải quyết đối với các hộ dân đã có quyết định thu hồi đất, nhưng chưa triển khai thực hiện công trình nằm trên địa bàn thành phố T. Ngày 04/3/2016, Ủy ban nhân dân thành phố T có Công văn số 272/UBND-KT về việc thu hồi các quyết định thu hồi đất của các hộ dân thuộc một số công trình trên địa bàn thành phố. Ngày 16/6/2016, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 1528/QĐ-UBND “về việc thu hồi các Quyết định thu hồi đất của các cá nhân, hộ gia đình thuộc công trình: Nâng cấp, mở rộng đường P (đoạn từ ngã tư V đến chợ B bờ bao Sông S) do UBND thị xã (nay là thành phố) thành phố T ban hành” (trong đó có Quyết định số 3927/QĐ-UBND

ngày 27/6/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã T “về việc thu hồi đất và chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Tấn T”). Như vậy, thời điểm năm 2011, Ủy ban nhân dân thị xã T thực hiện thu hồi diện tích đất 71,6m² tại thửa đất số 2156, tờ bản đồ số 16 theo Quyết định số 3927/QĐ-UBND ngày 27/6/2011, nhưng chưa triển khai thực hiện nên chưa bồi thường cho ông Nguyễn Tấn T.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00624 ngày 05/11/2010 do Ủy ban nhân dân thị xã cho ông Nguyễn Tấn T tại thửa đất số 2156, tờ bản đồ số 16, phường T tại Mục IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận, trong đó: ngày 12/12/2012, căn cứ Quyết định số 3927/QĐ-UBND ngày 27/6/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã T về việc thu hồi diện tích 71,6m² (58,6m² đất hành lang bảo vệ đường bộ và 13m² đất trồng cây lâu năm). Diện tích đất còn lại là 1.671,8m² (75m² đất ở tại nông thôn, 1.596,8m² đất trồng cây lâu năm). Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00624 ngày 05/11/2010 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) cấp cho ông Nguyễn Tấn T tại thửa đất số 2156, tờ bản đồ số 16 với diện tích 1.684,8m² (75m² đất ở tại nông thôn; 1.609,8m² đất trồng cây lâu năm). Đối chiếu theo giấy chứng nhận thì phần diện tích 58,6m² đất hành lang bảo vệ an toàn đường P tại phần ghi chú nằm ngoài diện tích đất mà ông Nguyễn Tấn T được cấp. Sau đó, Ủy ban nhân dân thị xã có Quyết định số 3927/QĐ-UBND ngày 27/6/2011 về việc thu hồi khu đất có diện tích 71,6m² (trong đó đất hành lang bảo vệ đường bộ 58,6m²; đất trồng cây lâu năm 13m²). Từ cơ sở trên, cơ quan chức năng đã thực hiện việc cập nhật thay đổi tại Mục IV Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00624 ngày 05/11/2010 với diện tích còn lại là 1.671,8m² (1.684,8m² – 13m² đất trồng cây lâu năm).

Căn cứ vào Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 16/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh B quy định về phân loại đường, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng các tuyến đường trên địa bàn thành phố T quy định: chỉ giới đường đỏ đường Phan Đăng Lưu đoạn từ đường N đến Đ là 14m. Năm 2014, ông T đã yêu cầu Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất đo đạc để thực hiện việc điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00624 ngày 05/11/2010 tại thửa đất số 2156, tờ bản đồ số 16. Qua kết quả đo đạc thực tế, diện tích đất giảm 60,4m²; đồng thời, điều chỉnh chỉ giới đường đỏ theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 16/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh B đối với đường P là 14m. Do vậy, sau khi trừ phần diện tích đất thu hồi theo Quyết định số 3927/QĐ-UBND ngày 27/6/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã T thì phần diện tích đất 56,9m² là thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường P Năm 2015, ông T đã chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho ông M.

Sau đó, ông M được Ủy ban nhân dân thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02852, tờ bản đồ 16-2, phường T Hiệp với diện tích 1.611,4m² (trong đó: 75m² đất ở; 1.479,5m² đất trồng cây lâu năm; 59,9m² hành lang lộ giới).

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00624 ngày 05/11/2010, thửa đất số 2156, tờ bản đồ số 16, phường T Hiệp do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp cho ông T với diện tích 1.684,8m² (75m² đất ở nông thôn, 1.609,8m² đất trồng cây lâu năm). Năm 2014, ông T yêu cầu Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất đo đạc để thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00624 tại thửa đất số 2156, tờ bản đồ số 16, xã (nay là phường) Tương Bình H. Qua kết quả đo đạc thực tế, diện tích đất giảm 60,4m², diện tích còn lại 75m² đất ở đô thị, 1.479,5m² đất trồng cây lâu năm và 56,9m² đất hành lang đường bộ. Năm 2015, ông T đã chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho ông M. Sau đó, ông M được Ủy ban nhân dân thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02852 tại thửa đất số 5344, tờ bản đồ 16-2, phường T Hiệp với diện tích 1.611,4m² (trong đó: 75m² đất ở, 1.479,5m² đất trồng cây lâu năm và 59,9m² hành lang lộ giới). Phần ghi chú thể hiện thửa 5344 được tách từ thửa 2156.

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00624 ngày 05/11/2010, thửa đất số 2156, tờ bản đồ số 16, phường T Hiệp do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp cho ông Nguyễn Tấn T, trong đó: tại Mục IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận, trong đó: ngày 12/12/2012, căn cứ Quyết định số 3927/QĐ-UBND ngày 27/6/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã T về việc thu hồi 71,6m² (58,6m² đất hành lang bảo vệ đường lộ, 13m² đất trồng cây lâu năm); diện tích còn lại: 1.671,8m² (75m² đất ở nông thôn và 1.596,8m² đất trồng cây lâu năm). Năm 2014, ông T yêu cầu Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất đo đạc để thực hiện điều chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00624 tại thửa đất số 2156, tờ bản đồ số 16. Qua kết quả đo đạc thực tế, diện tích giảm 60,4m² (còn lại 1.611,4m²). Năm 2015, ông T chuyển nhượng lại thửa đất trên cho ông M. Sau đó, ông M được Ủy ban nhân dân thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02852 tại thửa đất số 5344, tờ bản đồ 16-2, phường T Hiệp với diện tích 1.611,4m² (trong đó: 75m² đất ở, 1.479,5m² đất trồng cây lâu năm và 59,9m² hành lang lộ giới). Do vậy, đối chiếu theo hiện trạng thực tế thời điểm ông T yêu cầu Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thực hiện đo đạc đến thời điểm ông T chuyển nhượng cho ông M thì diện tích theo hiện trạng không thay đổi.

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00624 do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp 05/11/2010 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02852

do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 19/01/2015 thì phần diện tích đất thu hồi 65,1m² thuộc một phần thửa đất số 5344, tờ bản đồ 16-2 theo Quyết định số 4996/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T là cùng vị trí với diện tích 71,6m² thuộc một phần thửa đất số 2156, tờ bản đồ số 16 theo Quyết định số 3927/QĐ-UBND ngày 27/6/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã T. Thời điểm ông T chuyển nhượng cho ông M, phần diện tích 65,1m² đã được thu hồi theo Quyết định số 3927/QĐ-UBND ngày 27/6/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố T và chưa lập hồ sơ bồi thường cho ông T.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn T trình bày: ông T hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông M, đồng ý với ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố T, lý do: năm 2010, ông T được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00624 ngày 05/11/2010 với diện tích đất 1.684,8m² thuộc thửa đất số 2156, tờ bản đồ số 16. Năm 2012, Ủy ban nhân dân thành phố T thu hồi của ông T 13m² đất nông nghiệp và 58,6m² đất hành lang đường bộ, tổng cộng là 71,6m². Sau khi thu hồi thì diện tích đất còn lại của ông T là 1.671,8m² (75m² đất ở và 1.596,8m² đất trồng cây lâu năm). Năm 2014, ông T chuyển nhượng đất cho ông M, ông T có nói đất này đã được Ủy ban thu hồi một phần để làm đường và ông T đã giao đất cho Ủy ban, nhưng Ủy ban chưa thanh toán tiền bồi thường. Nay ông M muốn nhận chuyển nhượng hết đất thì phải đưa thêm cho ông T số tiền 90.000.000 đồng, ông T sẽ viết giấy ủy quyền cho ông M nhận tiền bồi thường. Tuy nhiên, ông M nói là đã hết tiền nên không đồng ý mua lại phần đất ông T đã giao cho cơ quan Nhà nước để làm đường, nhưng chưa nhận tiền bồi thường. Diện tích đất thực tế khi ông T chuyển nhượng cho ông M theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/8/2014 chỉ có 1.611,4m² theo Mảnh trích lục địa chính ngày 26/11/2014 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố T (vì quá trình sử dụng đất có biến động, đất không có tường, bờ rào xung quanh). Và ông M cũng chỉ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.611,4m² từ năm 2015 cho đến nay, nhưng không khiếu nại gì. Riêng phần đất đã bị Nhà nước thu hồi để làm đường, ông T không chuyển nhượng và cũng không có quyền chuyển nhượng vì đã bị cơ quan Nhà nước thu hồi (theo Quyết định số 3927/QĐ-UBND ngày 27/6/2011). Theo hợp đồng chuyển nhượng ghi chuyển nhượng 1.684,8m² là không đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã được Văn phòng Công chứng điều chỉnh lại thành diện tích 1.671,8m². Vì vậy, ông M yêu cầu Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T bồi thường cho ông M diện tích đất 65,1m² thì ông T không đồng

ý, vì thực tế Ủy ban đã thu hồi đất trước khi ông T chuyển nhượng cho ông M, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông M và ông T không có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T, tỉnh Bình Dương do ông Mai Công Đ đại diện trình bày: Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T vẫn giữ nguyên ý kiến tại Báo cáo số 202/BC-TTPTQĐ ngày 27/7/2023 (bút lục 231-235), Báo cáo số 240/BC-TTPTQĐ ngày 24/8/2023 (bút lục 241-245) gửi cho Ủy ban nhân dân thành phố T và thống nhất ý kiến trình bày của Ủy ban nhân dân thành phố T, không có ý kiến gì thêm nên không có văn bản gửi Tòa án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2024/HC-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Đinh Văn M đối với người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: “Tuyên bố hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc không chi trả tiền bồi thường tại Văn bản số 1247/UBND-VP ngày 08/5/2023 là trái pháp luật; hủy bỏ Văn bản số 1247/UBND-VP ngày 08/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và buộc Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện nhiệm vụ áp giá bồi thường giá trị đất cho ông Đinh Văn M theo quy định của chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại dự án mở rộng đường P”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, ông Đinh Văn M có làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 50/2024/HC-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo và yêu cầu khởi kiện, sửa bản án hành chính sơ thẩm, với lý do: Về thủ tục tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập Văn phòng C với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xác định tại thời điểm công chứng ông T đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông M nên Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Về nội dung đề nghị

Hội đồng xét xử xem xét việc ông T cho rằng không chuyển nhượng phần đất Nhà nước thu hồi phía trước nhà ra lộ giới thì ông M sẽ không chuyển nhượng vì không thể đi ra lộ được; Hợp đồng chuyển nhượng khi ra công chứng có phát hiện ra diện tích đất bị thu hồi, mặc dù không có mặt ông T và ông M nhưng công chứng viên vẫn công chứng, vì khi đó do bận công việc nên ông M đã thuê dịch vụ đi công chứng, nhưng có việc giảm diện tích mà công chứng viên vẫn công chứng, chứng thực mà không thông báo cho ông M làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông M nên việc công chứng là trái pháp luật. Việc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T chuyển hồ sơ khiếu nại qua lại làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông M là trái pháp luật; khi chuyển nhượng đất thì ông T cam kết chuyển nhượng hết đất nhưng khi làm việc với ông T năm 2023 thì ông T cho rằng không chuyển nhượng phần đất Nhà nước thu hồi nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ là không đúng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M.

- Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

Về nội dung: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 50/2024/HC-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05 tháng 9 năm 2024, ông Đinh Văn M có làm đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 55, Điều 204, Điều 205, Điều 206, Điều 209 của Luật Tố tụng hành chính nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Đinh Văn M yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương về việc không chi trả tiền bồi thường tại Văn bản số 1247/UBND-VP ngày 08/5/2023 là trái pháp luật; hủy bỏ Văn bản số 1247/UBND-VP ngày 08/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và buộc Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện nhiệm vụ áp giá bồi thường giá trị đất cho ông Đinh Văn M theo quy định của chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Dự án mở rộng đường P Xét thấy, các Quyết định trên được ban hành bởi cơ quan hành chính Nhà nước, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính với quan hệ pháp luật tranh chấp là “Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 của Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[4] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[4.1] Nguồn gốc phần đất hiện nay ông M đang khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện áp giá bồi thường giá trị đất cho ông M, trước đây là của ông Nguyễn Tấn T, được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00624 ngày 05/11/2010 đối với thửa đất số 2156, tờ bản đồ số 16 với diện tích 1.684,8m². Ngày 27/6/2011, Ủy ban nhân dân thị xã T ban hành Quyết định số 3927/QĐ-UBND “về việc thu hồi đất và chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Tấn T”, theo đó: thu hồi của ông T khu đất diện tích 71,6m² (gồm: đất hành lang bảo vệ đường bộ 58,6m²; cây lâu năm 13m²) để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường Phan Đăng L nhưng Nhà nước chưa chi trả tiền bồi thường. Sau khi thu hồi diện tích đất còn lại của ông T là 1.671,8m².

[4.2] Ngày 30/8/2014, ông T và ông M lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng C theo Hợp đồng công chứng số 6283, quyền số 08TP/CC-SCC/HĐGD để chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00624 ngày 05/11/2010 lại cho ông M. Sau đó, ông Đinh Văn M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu

nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02852 ngày 19/01/2015 thửa đất số 5344, tờ bản đồ 16-2, diện tích 1.611,4m², giảm 60,4m² với lý do giảm diện tích là theo đo đạc thực tế hiện trạng của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ2 đo đạc xác định.

Đồng thời, ngày 07/10/2014 ông Đinh Văn M có “Đơn cam kết” gửi UBND phường T, Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ2, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T1 có nội dung ông nhận chuyển nhượng thửa đất số 2156, tờ bản đồ số 16 từ ông Nguyễn Tấn T vào ngày 30/8/2014, ông M cam kết sau khi đo đạc thực tế thửa đất diện tích có thay đổi giảm bao nhiêu mét vuông ông cũng đồng ý, cam kết không khiếu nại hay tranh chấp gì về sau và đề nghị cho ông được lập thủ tục sang tên quyền sử dụng đất, (bút lục số 57). Như vậy, ông M đã biết và được cấp quyền sử dụng diện tích 1.611,4m², nên ông cho rằng thuê dịch vụ đi làm hợp đồng chuyển nhượng tự ý làm giảm diện tích đất của ông là không có căn cứ.

[4.3] Từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và ông M với diện tích thực tế đo đạc có giảm đi, nên Ủy ban nhân dân thành phố T có văn bản số 1247/UBND-VP ngày 08/5/2023 đề nghị ông M và ông T có sự thỏa thuận về diện tích đất Nhà nước thu hồi để xác định người nhận tiền bồi thường là đúng pháp luật. Đáng lẽ, ông Đinh Văn M cần thỏa thuận với ông T, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ do Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự về diện tích đất chuyển nhượng. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử cũng giải thích rõ về nội dung này nhưng người đại diện theo ủy quyền của ông M không đồng ý mà chỉ yêu cầu buộc người bị kiện phải bồi thường cho ông M theo pháp luật hành chính.

[5] Tóm lại, từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định: Phần đất diện tích 65,1m² mà ông Đinh Văn M yêu cầu Nhà nước bồi thường do thu hồi để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường P nằm trong diện tích 1.684,8m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Tấn T năm 2010. Đến năm 2011 khi thực hiện dự án trên, Nhà nước đã thu hồi của ông T 71,6m² nhưng chưa bồi thường. Năm 2014, ông T chuyển nhượng cho ông M diện tích theo giấy chứng nhận được cấp, nhưng theo đo đạc thực tế và cam kết không khiếu nại về diện tích đất có giảm đi của ông M nên ông Đinh Văn M được cấp lại diện tích 1.611,4m². Từ đó, Ủy ban nhân dân thành phố T chưa xác định được 65,1m² ông T có chuyển nhượng cho ông M hay không, vì ông T cũng có yêu cầu được nhận tiền bồi thường của diện tích 65,1m² nên ban hành Văn bản số 1247/UBND-VP ngày 08/5/2023 sẽ bồi thường nếu có sự thỏa thuận giữa chủ đất cũ là ông T và

chủ sử dụng đất mới là ông M, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường nơi có đất. Tuy nhiên giữa ông M và ông T chưa thỏa thuận được, các bên cũng không khởi kiện yêu cầu xác định diện tích đất 65,1m² theo hợp đồng chuyển nhượng là của ai sử dụng để được nhận tiền bồi thường. Vì vậy, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Văn bản số 1247/UBND-VP ngày 08/5/2023 trả lời khiếu nại của ông Đinh Văn M là đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ.

[6] Xét yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Văn phòng C vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông M khởi kiện hành chính yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường cho ông diện tích đất 65,1m² khi thu hồi thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường P Đây là quan hệ pháp luật hành chính thuộc Luật Tố tụng hành chính và các văn bản pháp luật về đất đai, bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất điều chỉnh. Việc quyết định diện tích đất thu hồi, bồi thường, hỗ trợ là do cơ quan hành chính Nhà nước quyết định theo quy định của Luật Đất đai mà không phải theo hợp đồng công chứng, chứng thực của văn phòng công chứng, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Văn phòng C vào tham gia tố tụng là không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[7] Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn M là đúng pháp luật. Kháng cáo của người khởi kiện là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Đinh Văn M phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Văn M.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2024/HC-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, các Điều 158, 164, 191, 193, 194, 204, 206, 345, 348 của Luật Tổ tụng hành chính.

Áp dụng Điều 74, Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Đinh Văn M đối với người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: “Tuyên bố hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc không chi trả tiền bồi thường tại Văn bản số 1247/UBND-VP ngày 08/5/2023 là trái pháp luật; hủy bỏ Văn bản số 1247/UBND-VP ngày 08/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và buộc Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện nhiệm vụ áp giá bồi thường giá trị đất cho ông Đinh Văn M theo quy định của chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Dự án nâng cấp, mở rộng đường P”.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đinh Văn M chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo Biên lai thu số 0000346 ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Ông Đinh Văn M đã đóng xong án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NVK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồ Tâm Tú

